



BIỂU PHÍ QUY ĐỊNH CHO SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE

(Được Bộ Tài chính phê chuẩn theo Công văn số 2217/BTC-QLBH ngày 1 tháng 3 năm 2021)

1. Phí bảo hiểm dưới đây là phí bảo hiểm chuẩn theo định kỳ năm, áp dụng trong trường hợp chấp nhận bảo hiểm và tự động tái tục bảo hiểm cho Người được bảo hiểm có sức khỏe chuẩn theo quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.
2. Phí bảo hiểm chuẩn theo định kỳ năm được xác định riêng biệt cho từng Quyền lợi bảo hiểm (Quyền lợi Điều trị Nội trú, Quyền lợi Điều trị Ngoại trú và Quyền lợi Điều trị Nha khoa), theo Chương trình bảo hiểm (Bạc, Vàng, Bạch Kim và Kim Cương) và tuổi của Người được bảo hiểm tại ngày Sản phẩm bắt đầu phát sinh hiệu lực hoặc tái tục.
Đối với Người được bảo hiểm là Nam giới trong độ tuổi từ 18 đến 45 tuổi, Phí bảo hiểm chuẩn được giảm 15% so với biểu phí bảo hiểm chuẩn dưới đây cho Quyền lợi Điều trị Nội trú theo Chương trình bảo hiểm Vàng, Bạch Kim và Kim Cương.
3. Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí bảo hiểm theo một trong các định kỳ đóng phí bảo hiểm mà Bảo Việt Nhân thọ cung cấp tại thời điểm yêu cầu bảo hiểm hoặc thời điểm yêu cầu thay đổi định kỳ đóng phí, bao gồm: năm, 06 tháng, quý, tháng. Hệ số quy đổi phí đóng theo định kỳ phí 06 tháng ($F_{06\text{ tháng}}$), phí quý ($F_{\text{quý}}$), phí tháng ($F_{\text{tháng}}$) theo phí năm ($F_{\text{năm}}$) do Bảo Việt Nhân thọ quy định tùy theo từng thời kỳ. Hệ số quy đổi phí đóng định kỳ hiện tại được quy định như sau:

$$F_{06\text{ tháng}} = \frac{F_{\text{năm}}}{2} \times 1,06$$
$$F_{\text{quý}} = \frac{F_{\text{năm}}}{4} \times 1,12$$
$$F_{\text{tháng}} = \frac{F_{\text{năm}}}{12} \times 1,2$$

Bảo Việt Nhân thọ xác định mức phí tối thiểu cho mỗi phương thức, định kỳ đóng phí tùy theo từng thời kỳ.

4. Bảo Việt Nhân thọ có thể điều chỉnh phí bảo hiểm chuẩn sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Phí bảo hiểm được điều chỉnh sẽ có hiệu lực ngay đối với các Sản phẩm bắt đầu phát sinh hiệu lực hoặc tái tục sau thời điểm điều chỉnh phí bảo hiểm. Bảo Việt Nhân thọ sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm về việc điều chỉnh phí bảo hiểm này ít nhất 30 ngày trước ngày thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bắt đầu kết thúc.
5. Với các trường hợp áp dụng phí bảo hiểm phụ trội, phí bảo hiểm phụ trội được xác định theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro.

**PHÍ BẢO HIỂM CHUẨN THEO NĂM
QUY ĐỊNH CHO SẢN PHẨM
BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

Quyền lợi Điều trị Nội trú

Đơn vị: Đồng

Tuổi	Chương trình bảo hiểm			
	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương
0	5 788 000	6 182 000	9 071 000	13 582 000
1	5 163 000	5 510 000	8 084 000	12 112 000
2	4 534 000	4 826 000	7 070 000	10 585 000
3	3 905 000	4 142 000	6 058 000	9 078 000
4	3 250 000	3 443 000	5 047 000	7 542 000
5	2 585 000	2 734 000	3 994 000	5 967 000
6	1 865 000	2 669 000	3 897 000	5 819 000
7	1 821 000	2 604 000	3 799 000	5 671 000
8	1 777 000	2 539 000	3 702 000	5 525 000
9	1 733 000	2 469 000	3 635 000	5 436 000
10	1 684 000	2 400 000	3 576 000	5 359 000
11	1 605 000	2 468 000	3 697 000	5 568 000
12	1 648 000	2 536 000	3 830 000	5 784 000
13	1 692 000	2 631 000	3 974 000	6 019 000
14	1 736 000	2 724 000	4 125 000	6 256 000
15	1 780 000	2 818 000	4 298 000	6 529 000
16	1 793 000	2 920 000	4 478 000	6 821 000
17	1 804 000	3 024 000	4 667 000	7 124 000
18	1 818 000	3 686 000	5 727 000	8 782 000
19	1 832 000	3 709 000	5 764 000	8 839 000
20	1 846 000	3 733 000	5 801 000	8 899 000
21	1 864 000	3 764 000	5 848 000	8 973 000
22	1 881 000	3 794 000	5 894 000	9 046 000
23	1 899 000	3 824 000	5 941 000	9 120 000
24	1 917 000	3 855 000	5 989 000	9 195 000
25	1 935 000	3 887 000	6 037 000	9 272 000
26	1 952 000	3 916 000	6 087 000	9 358 000
27	1 970 000	3 947 000	6 139 000	9 448 000
28	1 987 000	3 979 000	6 192 000	9 537 000
29	2 007 000	4 013 000	6 248 000	9 636 000
30	2 027 000	4 048 000	6 307 000	9 731 000
31	2 066 000	4 117 000	6 413 000	9 911 000
32	2 107 000	4 186 000	6 524 000	10 096 000
33	2 146 000	4 257 000	6 636 000	10 276 000
34	2 188 000	4 327 000	6 750 000	10 459 000

